

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Bản án số 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09/12/2022
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

[1]. Bà Lê Thị Thận.

[2]. Ông Phạm Thành Đô.

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 187/2022/ TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXX – HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn TT; sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ : Thôn 7, xã B M, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: anh Nhữ Đ Q ; sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ : Thôn 7, xã B M, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/06/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:
Tôi và anh Nhữ Đ Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước ngày 12/12/2002, số đăng ký 175, Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng tình cảm và bất đồng quan điểm sống, anh Quang thường xuyên đánh đập , chửi bới xúc phạm tôi, đã đánh tôi rất nhiều lần và tôi đã tha thứ nhiều lần nhưng anh Quang vẫn tiếp đánh đập chửi bới tôi và tôi đã về nhà ngoại sinh sống từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Tôi nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống , kéo dài hôn nhân thêm được nữa . Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nhữ Đăng Quang.

Về con chung: Nhữ Đg Pc; sinh năm 2014; Nhữ Khánh L, sinh ngày 30/12/2020, nguyện vọng chị Nguyễn TT nhận nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng/1 con, 2 con tổng cộng 4.000.000đ/1 cho đến khi con thành niên.

Nhữ Thị Ng, sinh năm 2001 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn TT thay đổi nội dung khởi kiện, chị nhận nuôi cháu Nhữ Khánh L, sinh ngày 30/12/2020, giao con Nhữ Đg Pc; sinh năm 2014 cho anh Quang nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn anh Nhữ Đ Q trình bày: Anh và cô Nguyễn TT tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn như cô Tám trình bày là đúng. Vợ chồng tôi có xảy ra cãi vã và tôi có nóng giận nên có đánh cô Tám 02 lần từ đầu năm 2022 đến nay, vợ chồng mâu thuẫn do tiền bạc nên tôi có đánh cô Tám. Cô Tám và chúng tôi ly thân từ t háng 5/ 2022 đến nay. Vợ chồng tôi có mâu thuẫn nhỏ nên mong muốn về đoàn tụ với nhau để cùng chăm sóc con cái, không muốn ly hôn.

Về con chung: Nếu ly hôn thì nguyện vọng anh nhận nuôi con Nhữ Đg Pc, sinh năm 2014, không yêu cầu cấp dưỡng.

Cô Nguyễn TT nuôi con Nhữ Khánh L, sinh ngày 30/12/2020. Đối với Nhữ Thị Ng, sinh năm 2001, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: chị Nguyễn TT có đăng ký kết hôn với anh Nhữ Đ Q, nay nguyên đơn xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Nguyễn TT và anh Nhữ Đ Q tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn TT và anh Nhữ Đ Q là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Nguyễn TT và anh Nhữ Đ Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn TT được ly hôn với anh Nhữ Đ Q.

[4] Về con chung: Theo ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và cháu Nhữ Đg Pc, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự như sau:

Giao cháu Nhữ Khánh L, sinh ngày 30/12/2020 cho chị Nguyễn TT chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Giao cháu Nhữ Đg Pc; sinh ngày 30/7/ 2014 cho anh Nhữ Đ Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Đối với Nhữ Thị Nguyên, sinh năm 2001, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu.

[5]Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6]Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[7]Về án phí: chị Nguyễn TT nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn TT được ly hôn với anh Nhữ Đ Q.

[2] Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự như sau:

Giao cháu Nhữ Khánh L, sinh ngày 30/12/2020 cho chị Nguyễn TT chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Giao cháu Nhữ Đg Pc; sinh ngày 30/7/ 2014 cho anh Nhữ Đ Q chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Đối với Nhữ Thị Nguyên, sinh năm 2001, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4]Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn TT nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000633 ngày 05/10/2022 (đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

